**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG**

Theo Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022; Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020;

*(Đính kèm Tờ trình số ………/TTr-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Căn cứ văn bản** | **Điều lệ Công ty hiện hành**  **Ban hành tháng 5 năm 2021** | **Điều lệ Công ty**  **(Sửa đổi, bổ sung)** |
| 1 | Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022; | Điều 1. Giải thích thuật ngữ  Điểm c, Khoản 1 quy định:  “Luật doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; | *- Nội dung Điểm c, Khoản 1, Điều 1:* **Giữ nguyên;**  *- Bổ sung căn cứ pháp lý của Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua Điều lệ:* **Luật số 03/2022/QH15, ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật đấu thầu, Luật Điên lực, Luật Doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự.** |
|  |  | Điều 1. Giải thích thuật ngữ  Điểm g, Khoản 1 quy định:  “Người điều hành doanh nghiệp là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng **và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty”** | *Cụ thể hóa người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty:*  “Người điều hành doanh nghiệp là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng” |
|  |  | Điều 1. Giải thích thuật ngữ  Điểm h, Khoản 1 quy định:  “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc **và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty**” | *Cụ thể hóa cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty:* “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc; **Phó Giám đốc, Kế toán trưởng công ty**” |
|  |  | Chương II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY | *Bổ sung cho đầy đủ:*  TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, **ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH,** THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY |
|  |  | Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty  Khoản 5 quy định:  “**Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập**” | *Nội dung điều chỉnh như sau:*  “**Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và vô thời hạn**”. |
|  |  | Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Khoản 1 quy định:  “Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến trọng tài, tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.” | *Điều chỉnh cho phù hợp với Khoản 1, Điều 12, Luật Doanh nghiệp năm 2020:*  “Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty **với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự**, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến trọng tài, tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.” |
|  |  | Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công tyĐoạn cuối Khoản 1:*(Chi tiết theo Giấy chứng nhận đăng ký* ***kinh doanh****)* | *Điều chỉnh lại:*  *(Chi tiết theo Giấy chứng nhận đăng ký* ***doanh nghiệp****)* |
|  |  | Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đôngĐiểm c, Khoản 2 quy định:**“Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị”.** | *Căn cứ Điểm c, Khoản 2, Điều 15 Phụ lục I, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 bổ sung, sửa thành:*  **c, Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại****Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;** |
|  |  | Điều 21. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua  Khoản 1 quy định:  “Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông **dự họp tán thành**,trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp” Khoản 2 quy định:“Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của **tất cả cổ đông dự họp tán thành**, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.” | *Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 21 theo khoản 5 Điều 7**Luật số 03/2022/QH15, ngày 11/01/2022 như sau:*  Khoản 1, Điều 21:  “Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông **tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành**, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp”  Khoản 2, Điều 21:  “Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của **tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành**, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1,3,4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp” |
|  |  | Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Khoản 2 quy định:“Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông **và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười ngày (10) trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.** Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này”. | *Điều chỉnh cho phù hợp với Khoản 2, Điều 22, Phụ lục I, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020:*  “Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.** Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này”. |
|  |  | Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông  Điểm i, Khoản 1 quy định:  “Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp **thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này.** Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.” | *Bổ sung cho phù hợp với điểm i, Khoản 2, Điều 23 Phụ lục I, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020*:  **“Họ, tên,** chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp **nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này thì biên bản này có hiệu lực.** Biên bản họp ghi rõ chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. **Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, thư ký chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp”** |
|  |  | Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông  Khoản 3 quy định:  “Biên bản lập bằng tiếng Việt và **tiếng Anh** đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và **tiếng Anh** thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng”. | *Điều chỉnh cho phù hợp với Khoản 3, Điều 23, Phụ lục I, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020:*  “Biên bản được lập bằng tiếng Việt và **tiếng nước ngoài** đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng **tiếng nước ngoài** thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng”. |
|  |  | Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị  Khoản 3 quy định:  **“Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu hai (02) thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành, tối đa ba (03) thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty, có tối thiểu một (01) thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập theo Điều 276 Nghị định 155”** | *Điều chỉnh cho phù hợp với Khoản 3, Điều 26 Phụ lục I, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020:*  **“Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành, có ít nhất 1/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập đáp ứng quy định tại Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.”** |
|  |  | Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị  Điểm h, Khoản 2 quy định:  “Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty **và** hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;” | *Nội dung sửa đổi:*  “Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty **trừ các** hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;” |
|  |  | Khoản 2, Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị | *Bổ sung nội dung:*  **“Thông qua các hợp đồng, thỏa thuận, cam kết có thời hạn trên 01 năm (ngoại trừ các hợp đồng thuộc dự án đầu tư xây dựng đã được cấp có thẩm quyền thỏa thuận/phê duyệt; các hợp đồng mua bán các sản phẩm dịch vụ do Nhà nước độc quyền quản lý; các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp”.**  *(đề nghị tách nội dung này thành 01 điểm thuộc Khoản 2, Điều 27)* |
|  |  | Khoản 2, Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị: | *Bổ sung 02 nội dung:*  **“Nhiệm kỳ bổ nhiệm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty không quá 05 năm, phù hợp với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của các chức danh không thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị thực hiện theo quy chế quản lý của Công ty”**  **“Đối với chức danh Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty đã được bổ nhiệm trước thời điểm ban hành Điều lệ sửa đổi này thì quyết định bổ nhiệm vẫn còn hiệu lực. Trường hợp bổ nhiệm lại thì thời hạn bổ nhiệm phải phù hợp với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.”**  *(Đề nghị xem xét, đưa nội dung đề cập này vào Điều 34. Người điều hành công ty)* |
|  |  | Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị  Khoản 1 quy định:  “Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. **Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người** bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của biểu ban.” | *Xem xét điều chỉnh cho phù hợp với Khoản 1, Điều 31 Phụ lục I, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020:*  “Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. **Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người]** bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.] Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban”. |
|  |  | Điều 34. Người điều hành công ty | *Xem xét, đưa nội dung đề cập này vào Điều 34. Người điều hành công ty:*  “Nhiệm kỳ bổ nhiệm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty không quá 05 năm, phù hợp với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.”  “Đối với chức danh Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty đã được bổ nhiệm trước thời điểm ban hành Điều lệ sửa đổi này thì quyết định bổ nhiệm vẫn còn hiệu lực. Trường hợp bổ nhiệm lại thì thời hạn bổ nhiệm phải phù hợp với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.” |
|  |  | Điểm i, Khoản 4, Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc | *Bổ sung Điểm i, Khoản 4:*  **“Quyết định hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị quy định tại****khoản 2 Điều 138, khoản 2 điều 153, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp”.** |
|  |  | Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường  Khoản 2 quy định:  “Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, **Kiểm soát viên**, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc **là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty**, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình”. | *Tham khảo Khoản 2, Điều 48, Phụ lục I, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 để điều chỉnh cho phù hợp:*  “Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, **thành viên Ban kiểm soát**, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc **đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty**, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình”. |
|  |  | Điều 48. Năm tài chính “Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”. | *Tham khảo Điều 53 Phụ lục I, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020:*  “Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày **01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng** **năm**. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào **ngày 31 tháng 12 năm được** cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” |